Tên: ……..

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Week: 6

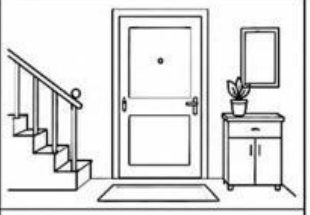
Từ vựng & Ngữ pháp HW: …….

Nghe HW: …….

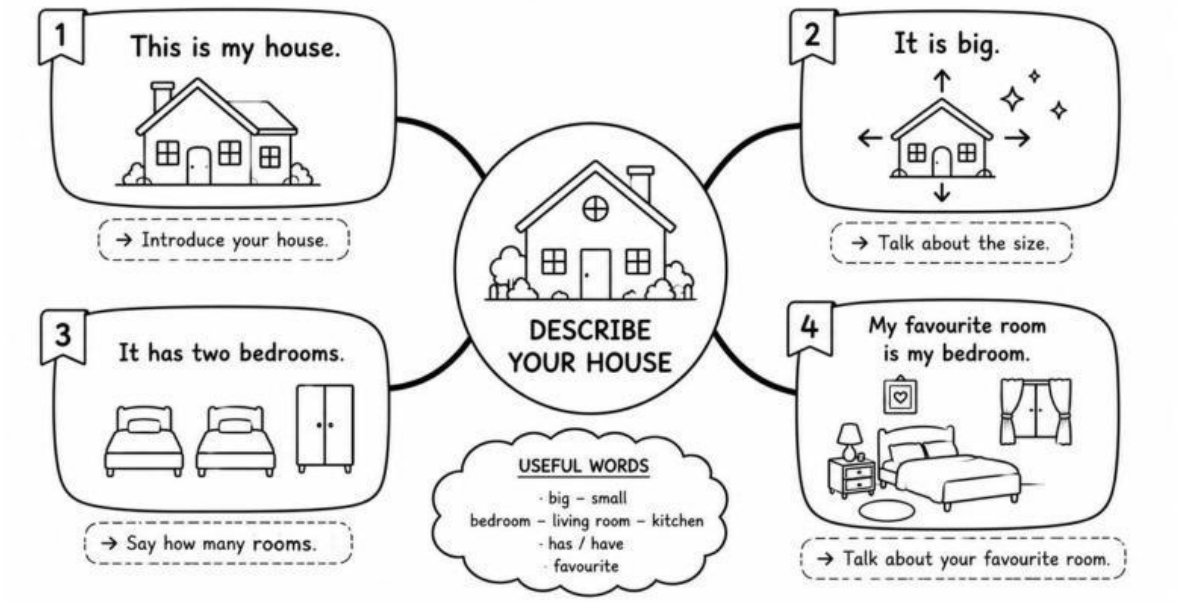
ROOMS IN A HOUSE
VOCABULARY & PRESENTATION ABOUT YOUR HOUSE

A. VOCABULARY

Con nghe và đọc lại các từ vựng ở link/code này:
https://on.soundcloud.com/TNRQimxsfsaa0PwCeJ

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	living room	phòng khách		4	kitchen	phòng bếp	
2	bedroom	phòng ngủ		5	hall	sảnh, hành lang	
3	bathroom	phòng tắm		6	garden	khu vườn	

B. SPEAKING PRACTICE



LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Tracing. *(Tô từ.)*

living room living room living room
bedroom bedroom bedroom bedroom
bathroom bathroom bathroom bathroom
kitchen kitchen kitchen kitchen
hall hall hall hall hall hall
garden garden garden garden

II. Match the words to the correct pictures. *(Nối từ với tranh đúng.)*

0. living room

1. kitchen

2. hall

3. garden

4. bedroom

5. bathroom








LIVEWORKSHEETS

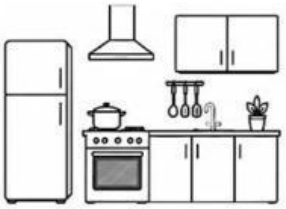
III. Finish the words. *(Hoàn thành các từ.)*



0. li**v**ing room



1. h__ll



2. kitch__n



3. ga__den



4. bedr__om



5. ba__hroom

IV. Read and choose the correct answer. *(Đọc và chọn đáp án chính xác.)*

0. A monkey **can** / **can't** sing.





1. A fish **can** / **can't** swim.

2. A bird **can** / **can't** read.





3. A dog **can** / **can't** run.

4. A bike **can** / **can't** drink water.



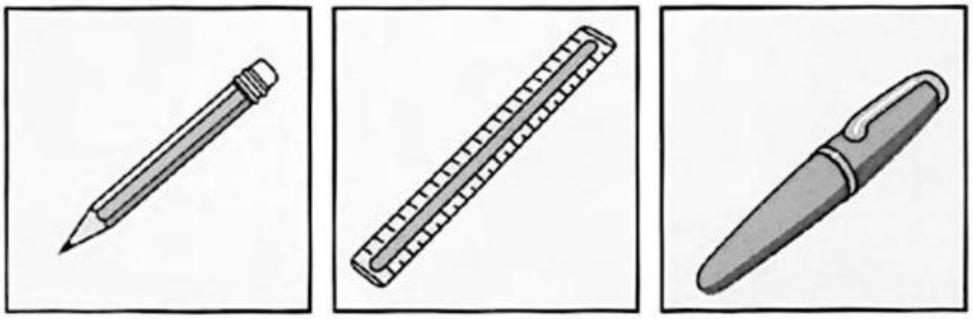


5. A baby **can** / **can't** cry.

LIVEWORKSHEETS

STARTERS LISTENING PART 3 (5 questions)
Con hãy truy cập link/code để làm bài nghe:
https://on.soundcloud.com/CFHWC9BFNr5hSo6LAK

What has Ann got in her bag?



A ☑ B ☐ C ☐

1 Which is Nick's favourite sport?



A ☐ B ☐ C ☐

2 What is May buying?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

3 Where's the camera?



A ☐ B ☐ C ☐

4 Which man is Bill's teacher?



A ☐ B ☐ C ☐

5 What does Sam want for lunch?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS